

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HS-ST

Ngày 12-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Ngân.

- Bà Nguyễn Thị Huệ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Lại Hồng Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 đối với

Bị cáo: Quách Đoàn T; Sinh ngày 25/4/1986.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Quách Đình M, đã chết; Họ và tên mẹ: Trịnh Thị T1, sinh năm 1941; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 02/2005 nhập ngũ đến tháng 9/2006 xuất ngũ về địa phương. Là người nghiện ma túy (*Methamphetamine, MDMA*), chưa bị đưa đi cai nghiện bắt buộc; Bị tạm giữ từ ngày 11/01/2021 đến ngày 17/01/2021 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hoàng Trung K, sinh năm 1995.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình;

Người chứng kiến:

- Ông Trần Văn Th, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Q1, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

-Anh , sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 11/01/2021, tại đường D, thuộc Tổ 4, thị trấn Q1, huyện Q, tỉnh Thái Bình, tổ công tác Công an huyện Quỳnh Phụ phối hợp với Công an thị trấn Q1, phát hiện Quách Đoàn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu đen, biển số 17B6-284.26 chở sau anh Hoàng Trung K, sinh năm 1995, cùng trú tại: Thôn N, xã Đ, thành phố B, có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu dừng xe về trụ sở Công an thị trấn Q1 làm việc. Tại đây, trước sự chứng kiến của ông Trần Văn Th, sinh năm 1962, trú tại: tổ 5, thị trấn Q1, huyện Q và anh Vũ Đình K1, sinh năm 1993, trú tại: thôn X, xã S, huyện Q, tổ công tác tiến hành kiểm tra người T, phát hiện thu giữ tại túi áo khoác ngoài bên phải 01 túi ni lông trong suốt, có nẹp nhựa màu trắng, viền màu đỏ, bên trong chứa các hạt tinh thể trong suốt dạng cục. T khai đó là ma túy đá để sử dụng cho bản thân. Quản lý của T 01 ví da màu đen, trong có số tiền 4.690.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Quách Đoàn T, 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị H, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, sim thuê bao số 0908926333, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu hồng, sim thuê bao số 0912184333 và 0901531258. Kiểm tra người và quản lý của anh K 01 ví da màu đen, trong có số tiền 640.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Trung K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng nhạt. Kiểm tra xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu đen, biển số 17B6-284.26, không phát hiện, thu giữ gì. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong gói vật chứng, quản lý chiếc xe mô tô và các tài sản của T và anh K. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại Thôn N, xã Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Kết quả khám xét không phát hiện, quản lý đồ vật, tài sản gì có liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, T khai nhận do nghiện ma túy đá nên khoảng 21 giờ ngày 08/01/2021, T đi bộ từ nhà ra khu vực cầu H1, xã Đ, thành phố B tìm mua ma túy để sử dụng. Trên đường đi, T gặp, hỏi mua được của một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết tên, địa chỉ) 01 túi ma túy đá có đặc điểm ngoài là lớp ni lông trong suốt, có nẹp nhựa màu trắng, viền màu đỏ, bên trong chứa các hạt tinh thể trong suốt dạng cục với số tiền 20.000.000 đồng. T giấu túi ma túy trong túi áo khoác ngoài bên phải rồi đi về nhà. Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 11/01/2021, T mặc chiếc áo khoác có túi ma túy trên, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu đen, biển số 17B6-284.26 đến nhà anh K, rủ anh K đi huyện Q chơi. Anh K đồng ý. T điều khiển xe chở K ngồi sau, đến đường D, thuộc Tổ 4, thị trấn Q1, huyện Q thì bị tổ công tác của Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện và thu giữ vật chứng.

Tại bản kết luận giám định số 10/KLGĐMT-PC09 ngày 12/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “*Vật chứng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 49,5334 gam (Bốn mươi chín phẩy năm nghìn ba trăm ba mươi tư gam). Methamphetamine STT: 323, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ.*”

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSQP ngày 19/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa: Bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy vào ngày 11/01/2021 như đã nêu trong bản cáo trạng. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ. Đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000đồng đến 15.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch 01 thu gói ma túy để tiêu hủy, đề nghị trả lại bị cáo 01 ví da màu đen; 4.690.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Quách Đoàn T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu hồng, trả lại chị H 1 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị H. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng xã hội, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, phù hợp với nội dung Cáo

trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình lập hồi 12 giờ ngày 11/01/2021 tại trụ sở Công an thị trấn Q1, huyện Q (bút lục số 01 - 04); Các biên bản quản lý đồ vật, tài liệu và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 13 giờ 50 phút, 14 giờ 10 phút, 14 giờ 30 phút, 14 giờ 50 phút và 15 giờ 10 phút cùng ngày 11/01/2021, tại trụ sở Công an thị trấn Q1, huyện Q (bút lục số 06; 14 - 18); Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của những người có quyền nghĩa vụ liên quan (bút lục số 119-120). Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 11/01/2021, tại đường D, thuộc Tổ 04, thị trấn Q1, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Quách Đoàn T đã có hành vi tàng trữ trái phép trên người 01 túi ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 49,5334 gam, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân bị Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện, xâm phạm trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Vì vậy việc xét xử bị cáo bằng pháp luật hình sự

là cần thiết và lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như tác dụng trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, có thời gian tham gia quân đội, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Từ những phân tích nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải lên mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo tàng trữ trái phép số lượng lớn ma túy để sử dụng cho bản thân, vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Đối với anh Hoàng Trung K là người cùng đi với bị cáo T. Kết quả điều tra xác định mục đích anh K cùng với T đến huyện Q là đi chơi. Anh K không biết T có cất giấu ma túy trên người. Do vậy, không có đủ căn cứ kết luận anh K đồng phạm với T.

Về nguồn gốc số Methamphetamine, T khai mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không quen biết) tại khu vực cầu H1, xã Đ, thành phố B nên không đủ căn cứ để điều tra, xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 gói ma túy, xét thấy đây là vật chứng vụ án, là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, vì vậy cần tịch thu để tiêu hủy. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn quản lý của bị cáo 01 ví da màu đen; 4.690.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Quách Đoàn T; 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu hồng, xét thấy tài sản và giấy tờ trên không liên quan đến hành vi phạm tội, vì vậy cần trả lại cho bị cáo và chị Hồng là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe máy biển số 17B6-284.26 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Hồng. Đối với 01 ví da màu đen, số tiền 640.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Trung K, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh K. Anh K và chị H không biết bị cáo T có cất giấu ma túy trên người. Vì vậy Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu là anh K và chị H là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lý lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Quách Đoàn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Quách Đoàn T 12 (mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2021.

Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 gói ma túy được niêm phong trong phong bì hoàn mẫu vật sau giám định số 10/KLGĐMT - PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

Tuyên trả lại bị cáo Quách Đoàn T 01 ví da màu đen; 4.690.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Quách Đoàn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu hồng. Trả lại chị Nguyễn Thị H 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị H.

“Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 22/3/2021 và hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý”

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Tình phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. .

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC